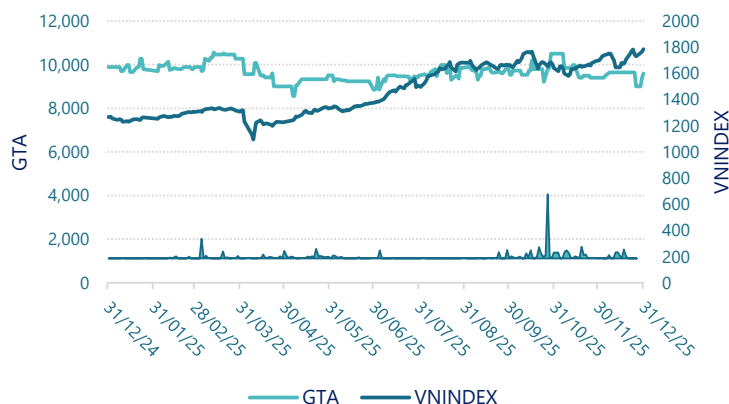


CTCP Chế biến Gỗ Thuận An (HSX: GTA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,590
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,561
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,563
SL cổ phiếu LH	9,830,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	75
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	94
P/E	15.8
EPS	606

DT thuần

Q4/25

63.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.0 | -20.2%

YoY: ▲ 3.80 | 6.4%

LN sau thuế

Q4/25

1.54

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.31 | -16.7%

YoY: ▼0.96 | -38.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.3%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

2025

255

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.00 | -2.4%

LN sau thuế

2025

5.95

tỷ VNĐ

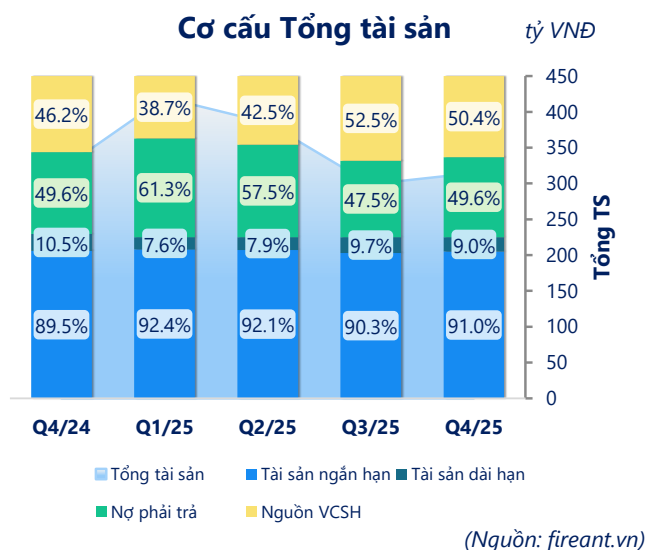
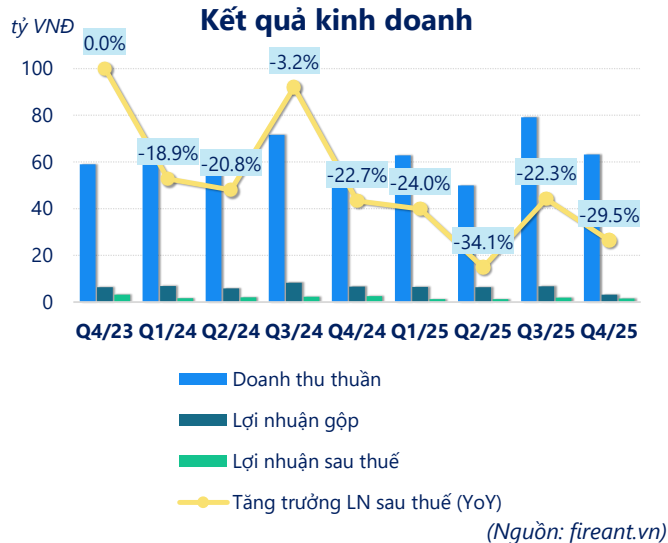
YoY: ▼2.60 | -30.4%

ROE

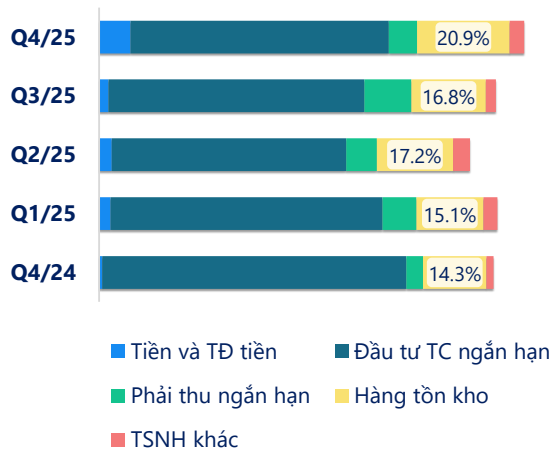
2025

3.9%

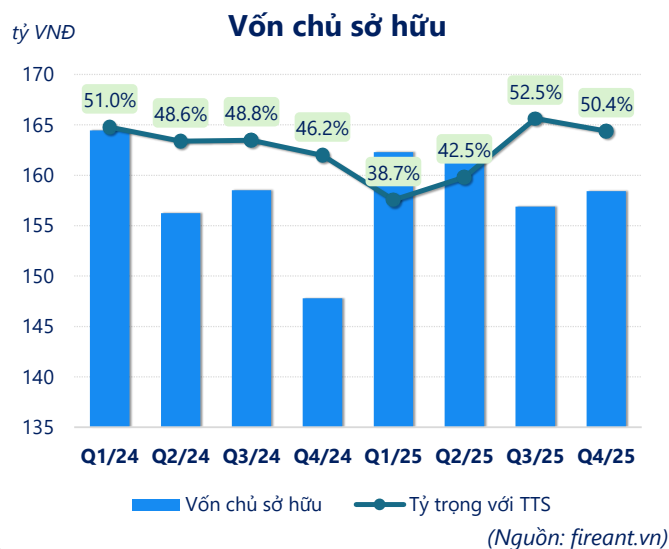
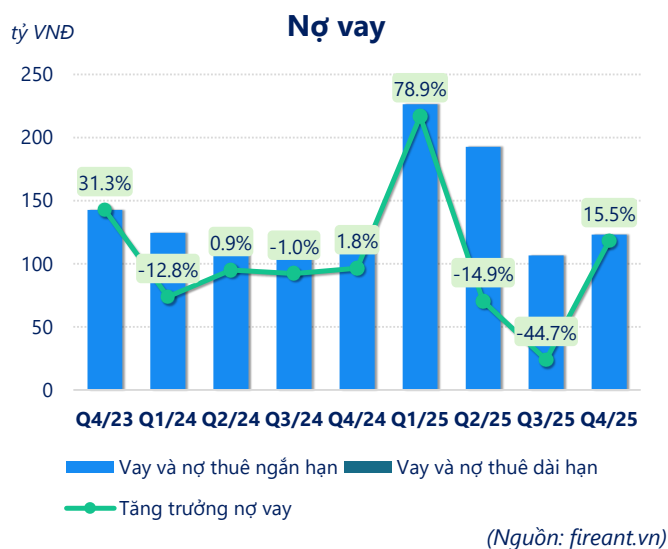
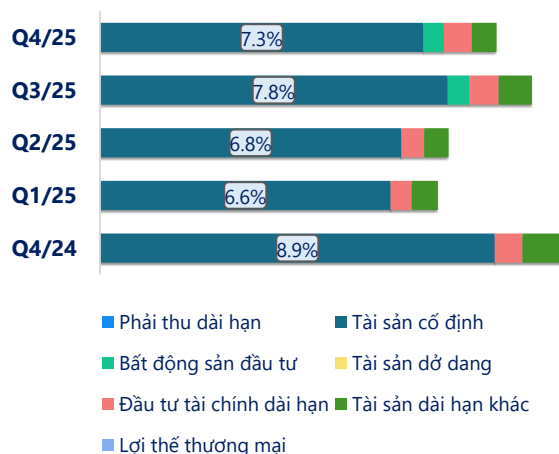
+/- YoY: ▼ 1.6%



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

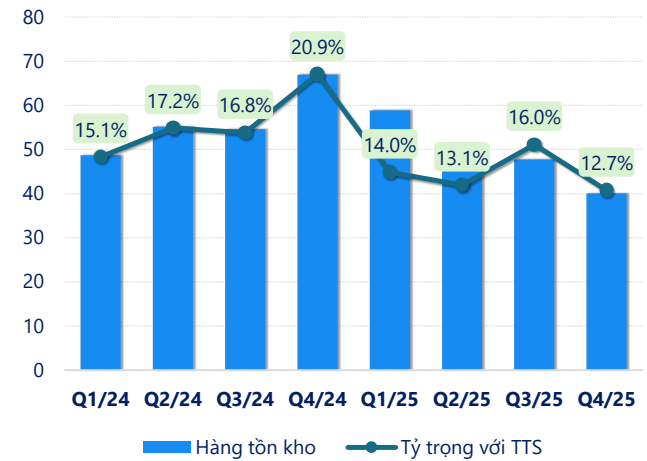


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

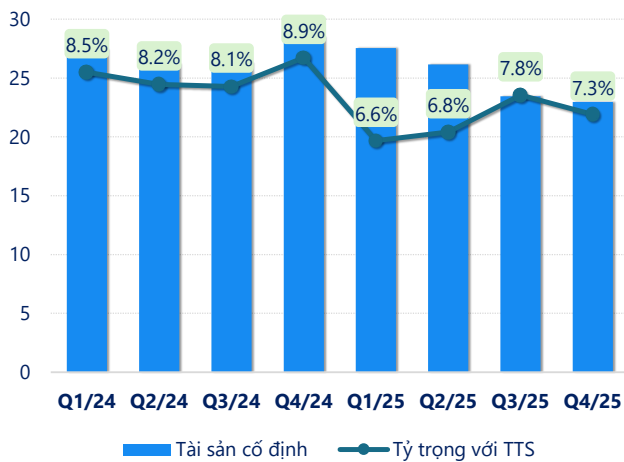

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


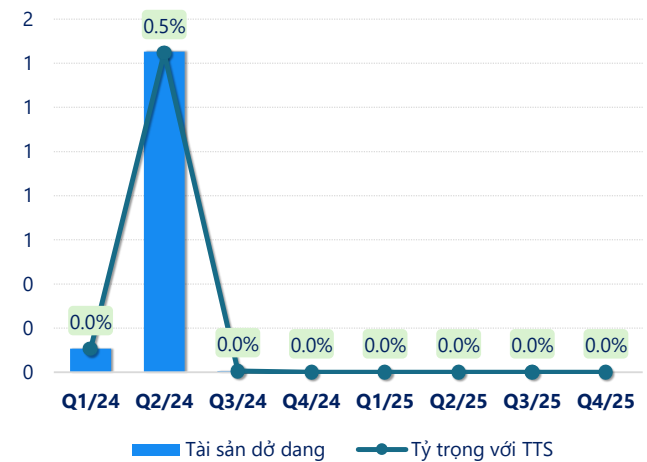
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

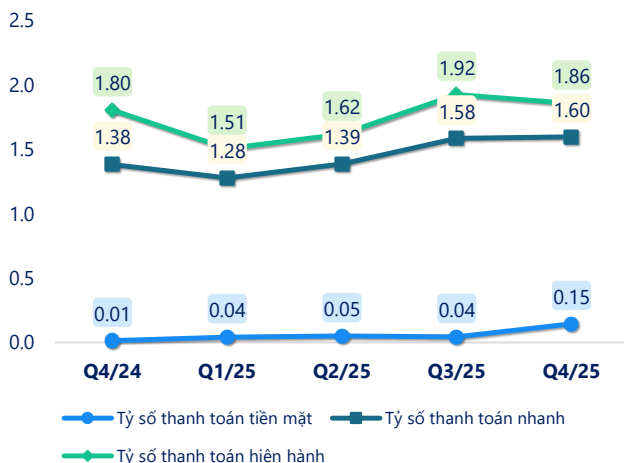
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

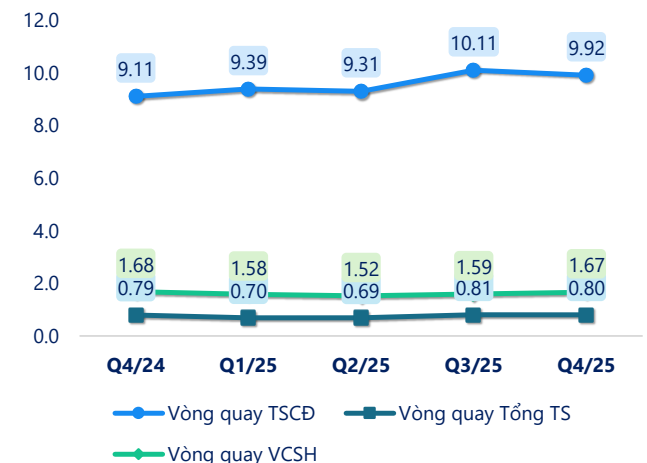
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	320	420	385	299	315
Tài sản ngắn hạn	286	388	354	270	286
Tiền và tương đương tiền	2.25	10.7	11.0	6.25	22.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	186	291	269	183	194
Phải thu ngắn hạn	20.4	20.7	15.4	20.8	23.8
Hàng tồn kho	66.9	58.8	50.4	47.7	40.0
Tài sản ngắn hạn khác	10.4	6.62	8.71	11.9	5.93
Tài sản dài hạn	33.4	32.0	30.3	29.1	28.2
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	28.5	27.5	26.2	23.4	23.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	1.44	1.44
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Tài sản dài hạn khác	2.96	2.48	2.10	2.24	1.75
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	159	258	221	142	156
Nợ ngắn hạn	159	258	219	140	154
Vay và nợ thuê ngắn hạn	127	226	193	106	123
Phải trả người bán ngắn hạn	13.5	11.1	8.12	12.9	11.2
Nợ dài hạn	0	0	1.80	1.80	1.80
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	148	162	164	157	158
Vốn chủ sở hữu	148	162	164	157	158
Vốn điều lệ	104	104	104	104	104
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)